

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST

Ngày 24/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiếu.

Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T1, tỉnh Th Bình tham gia phiên tòa: Bà Phí Thị Huệ và bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 10/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 12/11/1995. Nơi sinh: Xã TP, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nơi cư trú: Thôn LP, xã TP, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tr và bà Phan Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Có 2 tiền án: Bản án số 57/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Th Bình xét xử Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản (hành vi trộm cắp tài sản ngày 13/6/2015), xử phạt 1 năm 3 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2016. Bản án số 17/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân Huyện T1 xét xử Phạm Văn T về tội Trộm cắp tài sản (hành vi trộm cắp tài sản ngày 15/12/2015), xử phạt 1 năm 3 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2016. Phạm Văn T chấp hành xong hình phạt tù của 02 bản án trên vào ngày 30/4/2019 (được giảm 2 tháng tù); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/12/2012 bị Toà án nhân dân Huyện T1 xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 25/3/2013, bị Toà án nhân dân Huyện T1 xử phạt 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt của 02 bản án là 1 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/8/2014; bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/01/2021, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Hồng Th, sinh ngày 20/11/1996. Nơi sinh: Xã TS (nay là thị trấn T1), Huyện T1, tỉnh Th Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố NS, thị trấn T1, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hồng Th1 và bà Hoàng Thị N; bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị NH và 01 con sinh năm 2019; tiền án: Có 1 tiền án: Bản án số 05/2016/HSPT ngày 02/02/2016 của Toà án nhân dân Huyện M, tỉnh Đ xử phạt Vũ Hồng

Th 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (hành vi phạm tội xảy ra ngày 27/01/2015), tổng hợp với 1 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (hành vi phạm tội xảy ra ngày 14/6/2015) của Bản án số 143/2015/HSST ngày 15/9/2015 của Toà án nhân dân thành phố Th Bình, tỉnh Th Bình buộc Vũ Hồng Th phải chấp hành hình phạt chung là 4 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2015. Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Buộc Vũ Hồng Th phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ 23.279.000 đồng và anh Đặng Văn T 16.445.000 đồng. Vũ Hồng Th chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2018; chấp hành xong án phí hình sự, án phí dân sự ngày 21/9/2016; chưa chấp hành bồi thường trách nhiệm dân sự cho anh T, anh Đ; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/9/2015 bị Toà án nhân dân thành phố Th Bình, tỉnh Th Bình xử phạt 1 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 143/2015/HSST ngày 15/9/2015, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/10/2015); bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 chuyển tạm giam, trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Bình M, sinh ngày 05/01/1998. Nơi sinh: Xã TG, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã TG, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Khvà bà Hoàng Thị Th; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/8/2015 bị Toà án nhân dân Huyện T1, tỉnh Th Bình xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 37/2015/HSST, Nguyễn Bình M chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ngày 17/11/2015, bồi thường dân sự xong ngày 20/4/2018. Ngày 13/4/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Th Bình xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 57/2017/HSST. Tổng hợp hình phạt chung là 01 năm 03 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2017. Nguyễn Bình M chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2018, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm theo Bản án số 57/2017/HSST ngày 21/12/2018; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 chuyển tạm giam, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Quý Đ, sinh ngày 24/3/1994. Nơi sinh: Xã TS (nay là thị trấn T1), Huyện T1, tỉnh Th Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố NS, Thị trấn T1, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Đoàn Thị N; bị cáo có vợ là Vũ DL và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 chuyển tạm giam, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Xuân L, sinh ngày 21/12/1995. Nơi sinh: Xã ĐQ, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nơi cư trú: Thôn HN, xã ĐQ, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Kh1và bà Ngô Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị MD và 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 25/3/2021 đến ngày 31/3/2021 chuyển tạm giam, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Quang H, sinh ngày 18/11/1998. Nơi sinh: Xã ĐP, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nơi cư trú: Thôn VH, xã ĐP, Huyện T1, tỉnh Th Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh Kh2 và bà Trần Thị Ch; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/7/2019 bị Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố C xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “có hành vi, lời nói lăng mạ xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ”, ngày 17/7/2019 bị cáo đã nộp phạt; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 chuyển tạm giam, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Hồng A, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố số x, thị trấn T1, Huyện T1 (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Tô Thanh H1 sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú ở thôn Th, xã TL, Huyện T1; chị Phạm Kim QA, sinh năm 1994 (vợ anh H1) hộ khẩu thường trú ở phường BC, thành phố HL, tỉnh Q; chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 2000 (ở trọ cùng nhà vợ chồng anh H1) đều trú tại số nhà x, tổ dân phố số y, thị trấn T1, Huyện T1.

Anh Phạm Minh T2, sinh năm 2000 trú tại tổ dân phố số x, thị trấn T1, Huyện T1. Anh Th Đức D, sinh ngày 06/3/2002 trú tại thôn ĐH, xã TN, Huyện T1. Anh Tô Hoài N, sinh năm 1993, trú tại Th, xã TL, Huyện T1.

Ông Vũ Quang Th, sinh năm 1957; ông Vũ Minh T, sinh năm 1961, đều trú tại tổ dân phố số x, Thị trấn T1, Huyện T1.

(tất cả những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20giờ 30 phút ngày 15/01/2021, sau khi ăn cơm, uống rượu tại nhà Phạm Văn T sinh năm 1995 ở thôn LP, xã TP, Huyện T1, Vũ Hồng A sinh năm 1994 trú tại tổ dân phố số x, Thị Trấn T1 điều khiển xe ô tô BKS: 17x- yy chở Phạm Văn T, Nguyễn Bình M sinh năm 1998 trú tại thôn B, xã TG; Nguyễn Xuân L sinh năm 1995 trú tại thôn HN, xã ĐQ; Lê Quý Đ sinh năm 1994, Vũ Hồng Th sinh năm 1995 đều trú tại tổ dân phố NS, Thị Trấn T1, Nguyễn Quang H, sinh năm 1998 trú tại thôn VH, xã ĐP, Huyện T1 đến phòng 102 quán karaoke C ở tổ dân phố số x, Thị Trấn T1, Huyện T1 để hát. M ra quầy lễ tân của quán gặp anh Tô Xuân Th3 sinh năm 1997 trú tại thôn Th, xã TL, Huyện T1 (là nhân viên) nhờ gọi chị Nguyễn Thu H2 sinh năm 2000 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Huyện HM, tỉnh T hiện đang trọ cùng nhà với vợ chồng anh H1 sinh năm 1995 đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn Th, xã TL, Huyện T1 và chị Phạm Kim QA sinh năm 1994 đăng ký hộ khẩu thường trú tại C, phường BC, thành phố HL, tỉnh Q tại ngôi nhà 03 tầng số nhà x, tổ dân phố số y, thị trấn T1, Huyện T1. Chị H2 vào phòng 102 phục vụ được khoảng 45 phút thì ra ngoài và yêu cầu nhóm của M thanh toán tiền nhưng nhóm của M không trả; chị H2 điện thoại cho vợ chồng anh H1 và chị QA để thông báo lại sự việc. Anh H1 gọi điện thoại cho Nguyễn Bình M để nói chuyện và yêu cầu thanh toán tiền; trong lúc nói chuyện hai bên xảy ra cãi nhau, M và H1 thách thức nhau, hẹn gặp mặt để giải quyết.

Lúc này, T bảo Th điều khiển xe ô tô BKS: 17x- yy của anh Vũ Hồng A về nhà trọ của T ở tổ dân phố số x, thị trấn T1, Th ngồi trong xe còn T lên phòng trọ lấy 01 khẩu

súng ngắn K54, 01 một khẩu súng tự chế, dài khoảng 60cm (loại súng bắn đạn hoa cải) và 04 viên đạn của 2 khẩu súng trên (mỗi khẩu súng có 2 viên) cất giấu ở trên mái nhà vệ sinh ở trong phòng từ trước, sau đó cho vào 1 bao tải màu vàng mang lên xe ô tô. T lấy khẩu súng ngắn K54 mở hộp tiếp đạn để lắp 2 viên đạn vào hộp tiếp đạn cất giấu vào cặp quần và đưa khẩu súng bắn đạn hoa cải cùng 2 viên đạn của súng này, đồng thời hướng dẫn cho Th cách sử dụng. Th cầm khẩu súng và để cạnh vị trí ghế lái. Th điều khiển xe chở T quay lại quán Karaoke C đón M, H, L, Đ. Trên đường đi Đ nói với cả nhóm về nhà Đ lấy thêm “đồ” (vũ khí) để nếu có việc thì dùng, cả nhóm đồng ý. Th điều khiển xe ô tô đến nhà Đ ở tổ dân phố NS, Thị Trấn T1, Đ đi vào trong nhà lấy ra 04 chiếc tuýp sắt dài khoảng 1,5m, trong đó có 02 tuýp một đầu có gắn dao nhọn dài khoảng 20 cm để vào cốp xe ô tô rồi đi đến nhà trọ của H1 ở số nhà x, tổ dân phố số y, Thị Trấn T1, Huyện T1

Khi đến nhà trọ của anh H1, Th dừng xe ở ngoài đường Đ, H, M, L xuống xe, mỗi người lấy 01 đoạn tuýp sắt mà Đ đã để trong cốp. T cầm khẩu súng ngắn giấu sẵn ở trong cặp quần từ trước rồi đi vào trong sân nhà H1 (là bãi đỗ xe dịch vụ của ông Vũ M T sinh năm 1961 ở tổ dân phố số x Thị Trấn T1- là chủ nhà trọ của H1). Khi vào trong sân, M gọi điện thoại cho H1 nói đang ở đâu thì anh H1 nói đang ở trong nhà. Đ, H, M, L cầm tuýp gắn dao bầu đi theo lối cửa hậu (cửa hậu mở) vào bên trong tầng 1 nhà trọ của anh H, T, Th không cầm hung khí gì. Cả nhóm gọi anh H nhưng không có ai nên Đ cầm tuýp gắn dao bầu đập vỡ 01 chiếc kính mặt bàn kích thước (50 x 50) cm và chém con chó Poodle 2 nhát ở trong gian phòng khách. Sau đó, T, Th, Đ, M, H, L đi ra ngoài sân và khu vực cổng đứng chờ đợi và gọi H1. Lúc này trong nhà trọ của H1 chỉ có chị H2 đang ở phòng trên tầng 3, nghe thấy tiếng đập phá chị H2 gọi điện thoại cho vợ chồng anh H1 để thông báo. Anh H1 gọi điện thoại cho Phạm Minh T sinh năm 2000 trú tại tổ dân phố số x, Thị Trấn T1, Huyện T1 và anh Thái Đức D sinh năm 2002 ở thôn ĐH, xã TN, Huyện T1 đến nhà trọ xem có chuyện gì xảy ra. Khi T vào đến sân phía sau nhà anh H1 thì gặp nhóm của T đang đứng ở giữa sân, T không nói gì thì bị L tiến lại dùng tay phải tát 1 phát vào mặt của T, sau đó Đ cầm tuýp gắn dao bầu đuổi chém T, Đ chém sượt vào mu bàn chân phải của T làm rách da, chảy máu dài khoảng 1 cm. Khi T bỏ chạy vào trong nhà trọ anh H1 thì Đ không đuổi nữa. Khoảng 10 phút sau, D đi đến phòng trọ của anh H1 thấy nhóm của T đứng ở sân phía sau nên D đi thẳng vào nhà đóng chốt ngang cửa hậu lại.

Khoảng 10' sau, khi H1 và chị QA về nhà trọ theo hướng cửa chính phía trước để vào nhà thì H1 gọi điện thoại cho M hỏi đang ở đâu. Lúc này nhóm của T đang đứng trong sân, L nghe thấy tiếng chuông giống với tiếng của H1 ở trong nhà nên cầm tuýp sắt đi lại cửa hậu nhà trọ của H1 dùng tuýp sắt đập vào chuồng chó ở trước cửa hậu và dùng tay trái đập mạnh vào cửa hậu, vừa đập L vừa gọi to “H1 ơi, H1 ơi”. H1 ở trong nhà nghe thấy tiếng đập cửa nên đi ra cửa phía sau, dùng tay kéo chốt ngang mở cửa đẩy ra và thấy nhóm người của T. Do trước đó anh Tô Hoài N1 sinh năm 1993 ở thôn Th1, xã TL điện thoại cho H1 nói nhóm của T có súng nên H1 bỏ chạy vào phía trong nhà. Nghe thấy tiếng L đập cửa, Th đi từ cổng vào cầm theo 01 bao tải màu vàng bên trong đựng khẩu súng tự chế dài khoảng 60 cm đã lắp 01 viên đạn đi vào cửa hậu và nói “L tránh ra”, Th nhìn vào trong nhà không thấy ai nên lùi lại đứng dưới sân cách cửa hậu khoảng 3m ở vị trí đối diện cửa hậu, tay trái Th đỡ ngoài bao bì chỗ nòng súng, tay phải bóp cò làm súng nổ, đạn bắn trúng và găm vào bức tường nhà vệ sinh cách cửa hậu 0,8 m mục đích đe dọa anh H1.

Thấy vậy, T tay phải cầm khẩu súng K54 đi vào trong sân đứng ở vị trí đối diện cửa hậu cách cửa hậu khoảng 4- 5 mét, tay trái lên đạn, tay phải cầm súng hướng về phía mép trên cửa hậu nhà anh H1 bóp cò nổ súng để đe dọa nhưng không trúng vào ai, đầu đạn rơi xuống sân. Th lùi lại đứng đối diện cách cửa hậu khoảng 04 mét lắp viên đạn thứ 2 giương súng hướng về mép trên cửa hậu, tay phải bóp cò nổ súng làm đạn găm vào tường. Thấy phía trong nhà anh H1 có tiếng vỡ chai thủy tinh ném ra M điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đi theo hướng ngã tư TD, thị trấn T1 về xã TG, Huyện T1 bỏ chạy. Trên đường đi nhóm của T ném hết tuýp sắt vào vườn của gia đình ông Vũ Quang Th sinh năm 1957 ở tổ dân phố số x, Thị trấn T1. Khi xe ô tô đi gần đến khu vực nghĩa trang xã TG, T đưa khẩu súng K54 về phía sau nói “tý vút đi”, Th cầm súng cất vào túi áo khoác đang mặc. Khi đến khu vực nghĩa trang xã TG, M dừng xe ô tô, M, H, L, Đ xuống xe đi vệ sinh, Th cất giấu 02 khẩu súng. Sau đó, Th cùng cả nhóm đi xe ô tô ra tỉnh Q để trốn. Đến sáng ngày hôm sau, M lái xe ô tô về Huyện T1, tỉnh Th Bình trả xe ô tô cho anh A, rồi đi xe khách lên HN bỏ trốn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Huyện T1 đã tạm giữ 01 đầu đạn bằng kim loại màu vàng đồng, 15 mảnh kim loại màu xám, không rõ hình dạng kích thước; tạm giữ 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen dài 19,5 cm, ngang 11,5 cm trên thân súng có khắc chữ số M20, NO23612; 01 viên đạn màu vàng đồng dài 3,5 cm, đường kính 1 cm, đầu đạn tù, đầu còn lại bằng phẳng có khắc số 38, 86; tạm giữ 01 xe ô tô BKS 17A: 16002, tạm giữ 04 tuýp sắt bằng kim loại trong đó có 02 tuýp gắn dao, nhiều mảnh thủy tinh vỡ không rõ hình dạng.

Bản Kết luận giám định số 504/C09-P3 ngày 19/01/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: “ - *Khẩu súng gửi giám định là súng ngắn K54, thuộc vũ khí quân dụng; 01 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ (7,62 x 25)mm, thuộc đạn quân dụng và dùng bắn được cho khẩu súng trên.*

- *01 vỏ đạn, 01 đầu đạn gửi giám định là vỏ đạn và đầu đạn của loại đạn quân dụng cỡ (7,62 x 25) mm. 01 vỏ đạn và 01 đầu đạn này do khẩu súng nêu trên bắn ra.*

- *15 mẫu kim loại gửi giám định là 15 viên viên kim loại đã bị biến dạng thường được nhồi (đóng) trong đạn ghém, súng kíp, được bắn ra từ các loại súng như: súng săn, súng kíp (không thuộc vũ khí quân dụng); súng săn cưa ngắn nòng, súng tự chế kiểu ổ quay... (thuộc vũ khí quân dụng)”.*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Hồng Th, Nguyễn Bình M, Lê Quý Đ, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Quang H đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSTH ngày 13/7/2021, Viện Kiểm sát nhân dân Huyện T1, tỉnh Th Bình quyết định truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Hồng Th, Nguyễn Bình M, Nguyễn Xuân L, Lê Quý Đ và Nguyễn Quang H về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Hồng Th, Nguyễn Bình M, Nguyễn Xuân L, Lê Quý Đ và Nguyễn Quang H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự:

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Hồng Th từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình M từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quý Đ từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

- Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như:

Báo cáo của bà Lư Thị Thvà ông Lương Thanh X là tổ trưởng và Bí thư chi bộ tổ dân phố số x, báo cáo vụ việc của Công an và Ủy ban nhân dân thị trấn T1; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện T1 lập hồi 8 giờ ngày 16/01/2021; Biên bản thực nghiệm điều tra do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Huyện T1 lập hồi 14h và 15h50' ngày 31/5/2021 tại số nhà 157 tổ dân phố số 05 Thị Trấn T1; Các biên bản tạm giữ đồ vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện T1 lập tại nhà của anh H1 và lập tại Công an Huyện T1; Kết luận giám định số 504/C09-P3 ngày 19/01/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Lời khai

của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/01/2021, Vũ Hồng Th điều khiển xe ô tô TOYOTA VIOS BKS: 17x- yy của anh Vũ Hồng A chở Phạm Văn T, Nguyễn Bình M, Nguyễn Xuân L, Lê Quý Đ và Nguyễn Quang H trong đó T mang theo 01 khẩu súng ngắn K54 bên trong có 02 viên đạn dẹt vào cặp quần, 01 khẩu súng bắn đạn hoa cải dài khoảng 50- 60 cm và 02 viên đạn đưa cho Vũ Hồng Th, Lê Quý Đ mang theo 04 tuýp sắt đến số nhà x, tổ dân phố số y, thị trấn T1, Huyện T1 nơi anh H1 đang thuê trọ (thuộc sở hữu của ông Vũ Minh T) để tìm anh H1. Trong lúc đứng chờ anh H1 tại khu vực cổng và sân nhà trọ (xác định là địa điểm công cộng- bãi đỗ để xe được ông T cho nhiều người thuê), T, Th, M, Đ, L, H có hành vi chửi bới, hô hét sau đó M, Đ, L, H cầm tuýp sắt đập phá tài sản, đuổi đánh anh Phạm Minh T. Th sử dụng khẩu súng loại bắn đạn hoa cải bắn 02 phát, T dùng khẩu súng ngắn K54 bắn 01 phát vào tường nhà trọ của anh H1 để đe dọa gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo sợ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của người dân sinh sống trên địa bàn.

[2.2] Như vậy, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân Huyện T1, tỉnh Th Bình quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. *Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...*

b) *Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

[3.1] Các bị cáo đã có hành vi dùng súng bắn vào tường, dùng tuýp sắt đập phá tài sản tại khu vực cổng và sân nhà trọ của anh Tô Xuân H1 là bãi đỗ, để xe được ông Vũ Minh T cho nhiều người thuê. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn đe dọa gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo sợ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của người dân sinh sống trên địa bàn. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình gây ra để giáo dục riêng với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.2] Đây là vụ án đồng phạm giải đơn, các bị cáo tự nguyện tiếp nhận ý chí của nhau. Bị cáo T sau khi nghe bị cáo M nói chuyện điện thoại với H1 chủ động rủ Th đi về nhà trọ của mình, một mình lên phòng trọ lấy súng đem đi, trực tiếp là người đưa súng và

đạn, hướng dẫn Th sử dụng, trực tiếp bắn vào tường nhà trọ nhà anh H1 01 phát nên phải chịu trách nhiệm cao nhất. Bị cáo Th trực tiếp sử dụng súng bắn vào phòng trọ anh H1 02 phát nên phải chịu trách nhiệm thứ hai. Bị cáo M là người trực tiếp điện thoại, gây mâu thuẫn với anh H1 là nguyên nhân dẫn đến vụ việc, có nhân thân 02 lần bị Tòa án xét xử và bị cáo Đ thực hành tích cực, trực tiếp qua nhà lấy hung khí là 04 tuýp sắt, trong đó có tuýp gắn dao đi đến nhà trọ anh H1, đập vỡ kính bàn, chém chó nhà anh H1, chém trượt vào bàn chân phải anh Phạm Minh T, gây rách da cùng giữ vị trí thứ ba. Các bị cáo L dùng tuýp sắt đập cửa, có hành vi tát vào má trái anh Phạm Minh T và bị cáo H không tham gia trực tiếp vào việc đập phá tài sản, đuổi đánh, gây thương tích cho người khác nhưng có nhân thân bị xử phạt hành chính nên cùng giữ vị trí thứ tư.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn T và Vũ Hồng Th là người có tiền án, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên bị cáo M có nhân thân xấu có 02 lần bị Tòa án xét xử, bị cáo H đã bị xử phạt hành chính 01 lần.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, đều ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Th, M, Đ, L, H sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Xét các bị cáo M, Đ, L, H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong vụ án này:

[4.1] Đối với việc T sử dụng khẩu súng ngắn K54 bắn 1 phát, còn Th sử dụng súng dài (loại súng bắn đạn hoa cải) bắn 2 phát đều về phía cửa sau nhà Hải. Trước khi bắn T và Th không nhằm vào ai, không nhìn thấy trong nhà có người hay không, khi bắn phát đầu tiên Th đứng cách cửa ngách khoảng 2-3 mét sau đó Th và T đứng cách cửa phía sau nhà trọ của anh H1 khoảng 5 mét rồi bắn về phía cửa. Trước khi nổ súng thì Th, T đã vào trong nhà H1 và biết được địa hình nhà H1. T và Th khai xác định được nếu bắn sẽ vào bức tường, không bắn vào trong nhà được. Tài liệu chứng cứ cũng thể hiện, khi H1 mở cửa ra lúc này Nguyễn Xuân L đang đứng ở khu vực cửa ngách phía sau. Th cầm bao đựng súng đi đến gần cửa Th không bắn ngay mà vẫn còn thời gian nói với L: “L đi ra” rồi mới bắn phát súng đầu tiên, như vậy khi Th bắn H1 đã chạy và thoát khỏi tầm bắn của Th. Thực tế nhóm của Th có nhìn thấy cửa mở ra nhưng không nhìn thấy người mở cửa. T và Th không biết H1 về nhà lúc nào, nghĩ H1 thách thức nhóm của T và Th đến nhà H1 nhưng không dám về nên bắn súng để dẫn mặt H1, để H1 biết là nhóm của Th dám đến tìm H1, chứ không nhằm mục đích bắn vào H1 hay người trong nhà H1 nên không cấu thành tội danh khác.

[4.2] Đối với việc Lê Quý Đ và Nguyễn Xuân L có hành vi đánh anh Phạm Minh T làm anh T bị thương ở bàn chân phải, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T1 đã ra quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với anh T nhưng anh T có đơn xin từ chối giám định thương tích. Ngoài ra Lê Quý Đ còn có hành vi đập vỡ mặt bàn kính, chém con chó poodle của chị QA, Cơ quan điều tra đã tiến hành định giá tài sản thiệt hại, tuy nhiên do giá trị tài sản dưới 02 triệu đồng, Đ chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T1 không khởi tố bổ sung đối với Đ, L về các hành vi trên là phù hợp.

[4.3] Đối với Vũ Hồng A sinh năm 1994 ở tổ dân phố số x, thị trấn T1, Huyện T1 là người cho các bị cáo mượn xe ô tô, quá trình điều tra xác định A không biết các bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với A là phù hợp.

[4.4] Đối với hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của Phạm Văn T và Vũ Hồng Th, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51 ngày 18/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Th Bình đã tuyên phạt T 02 năm 06 tháng tù, Th 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo Điều 304 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Phạm Kim QA và anh H1, ông Vũ Minh T không yêu cầu bồi thường đối với mặt bàn kính bị đập vỡ và chi phí chữa trị cho con chó; anh Phạm Minh T không yêu cầu Đ, L bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã quản lý: 01 xe ô tô TOYOTA VIOS BKS: 17x- yy, 04 tuýp sắt bằng kim loại trong đó có 02 tuýp gắn dao, nhiều mảnh thủy tinh vỡ không rõ hình dạng. Đối với chiếc xe ô tô xác định là tài sản hợp pháp của anh Vũ Hồng A, Th mượn xe của anh đi lấy súng và đi đến phòng trọ của anh H1 để gây rối anh A không biết, anh A có đề nghị xin lại chiếc xe để đi lại, kinh doanh, Hội đồng xét xử thấy cần trả lại chiếc xe trên cho anh A là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với 04 tuýp sắt bằng kim loại trong đó có 02 tuýp gắn dao, nhiều mảnh thủy tinh vỡ không rõ hình dạng xác định là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đầu đạn bằng kim loại màu vàng đồng, 15 mảnh kim loại màu xám, không rõ hình dạng kích thước; 01 khẩu súng bằng kim loại màu đen dài 19,5 cm, ngang 11,5 cm trên thân súng có khắc chữ số M20, NO23612; 01 viên đạn màu vàng đồng dài 3,5 cm, đường kính 1 cm, đầu đạn tù, đầu còn lại bằng phẳng có khắc số 38, 86 đã được xử lý trong Bản án hình sự sơ thẩm số 51 ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Th Bình.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Hồng Th, Nguyễn Bình M, Nguyễn Xuân L, Lê Quý Đ và Nguyễn Quang H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự:

2. Xử phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Hồng Th 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình M 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quý Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 tuýp sắt bằng kim loại trong đó có 02 tuýp gắn dao, nhiều mảnh thủy tinh vỡ không rõ hình dạng.

- Trả lại cho anh Anh Vũ Hồng A, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố số x, thị trấn T1, Huyện T1, tỉnh Th Bình 01 xe ô tô TOYOTA VIOS BKS: 17x- yy.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/7/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện T1 và Kho bạc Nhà nước Huyện T1).

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Hồng Th, Nguyễn Bình M, Nguyễn Xuân L, Lê Quý Đ và Nguyễn Quang H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Hồng Th, Nguyễn Bình M, Nguyễn Xuân L, Lê Quý Đ và Nguyễn Quang H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 24/8/2021; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Th Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Th Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Huyện T1;
- Công an Huyện T1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Th Bình;
- Chi cục THADS Huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Đồng Ngọc Hên